

Số: 17 /2010/TT-BTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 2 năm 2010

THÔNG TƯ
**Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
về dự trữ nhà nước đối với nhà bạt cứu sinh**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02/12/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự trữ nhà nước đối với nhà bạt cứu sinh.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 6 tháng, kể từ ngày ký ban hành và thay thế TCN 02: 2004 ban hành kèm theo Quyết định số 35/2004/QĐ-BTC ngày 14/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.


Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, nhập, xuất và bảo quản nhà bạt cứu sinh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

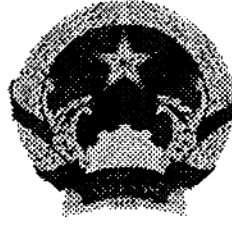
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCDT.

KT. BỘ TRƯỞNG
TÀI CHÍNH



Nguyễn Hữu Chí

Nguyễn Hữu Chí



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 09: 2010/BTC

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NHÀ BẠT CỨU SINH**

National technical regulation on state reserve of relief tents

HÀ NỘI - 2010

Lời nói đầu

QCVN 09: 2010/BTC do *Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự trữ nhà nước đối với nhà bạt cứu sinh* biên soạn, Tổng cục Dự trữ Nhà nước trình duyệt và được ban hành kèm theo Thông tư số 17/2010/TT-BTC ngày 01 tháng 02 năm 2010 của Bộ Tài chính.



QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NHÀ BẠT CỨU SINH
 National technical regulation on state reserve of relief tents

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định những yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển, thủ tục giao nhận, bảo quản và công tác quản lý đối với nhà bạt cứu sinh nhập kho dự trữ nhà nước sử dụng để sinh hoạt tạm trú, tránh mưa, nắng trong các tình huống cứu hộ cứu nạn.

Đối với nhà bạt cứu sinh loại nhẹ thì áp dụng theo quy chuẩn quy định cho nhà bạt cứu sinh loại nhẹ đã ban hành.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc quản lý; giao nhận và bảo quản nhà bạt cứu sinh nhập kho dự trữ nhà nước.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Nhà bạt cứu sinh là nhà bạt có cấu trúc lắp dựng tạm thời, cơ động. Khung mái nhà bạt bao gồm các cột, các vì kèo, các cọc ghim. Nhà bạt có cửa ra vào; vách xung quanh có cửa sổ; mái nhà bạt có cửa lấy ánh sáng (*sau đây viết tắt là nhà bạt*).

1.3.2. Lô nhà bạt là số lượng quy định nhà bạt có cùng chủng loại, cùng các thông số kỹ thuật, được sản xuất từ cùng nguyên liệu, theo cùng một phương pháp, trong khoảng thời gian nhất định, được giao nhận cùng một lúc. Mỗi lô nhà bạt giao nhận không lớn hơn 500 nhà bạt.

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Yêu cầu kỹ thuật đối với nhà bạt

2.1.1. Yêu cầu về thiết kế

2.1.1.1. Kiểu dáng

- Nhà bạt loại 60 m²: Vỏ có 1 mảnh, 2 cửa đối xứng dạng hình hộp, 12 cửa sổ xung quanh, 2 cửa chiếu sáng nóc. Phần tiếp giáp đất bằng vải được chống thấm hai mặt.

QCVN 09: 2010/BTC

- Nhà bạt loại 24,75 m²: Vỏ có 4 mảnh: 1 mảnh thân nhà có 6 cửa sổ bên và 1 cửa chiếu sáng nóc, 2 mảnh sau (hồi nhà), 1 mảnh trước (cửa vào). Phần tiếp giáp đất bằng vải được chống thấm hai mặt.

- Nhà bạt loại 16,5 m²: Vỏ có 4 mảnh: 1 mảnh thân nhà có 4 cửa sổ bên và 1 cửa chiếu sáng nóc, 2 mảnh sau (hồi nhà), 1 mảnh trước (cửa vào). Phần tiếp giáp đất bằng vải được chống thấm hai mặt.

Các thông số kỹ thuật của các loại nhà bạt quy định tại Bảng 1.

Bảng 1: Thông số kỹ thuật của các loại nhà bạt (kích thước tính bằng milimet)

STT	Các thông số kỹ thuật	Loại nhà bạt			Sai số cho phép
		60 m ²	24,75 m ²	16,5 m ²	
1	Kích thước dài x rộng	9760 x 6150	5000 x 4950	5000 x 3300	±50
2	Chiều cao đỉnh nóc	3500	2600	2600	±50
3	Chiều cao vách nhà	1750	1750	1750	±50
4	Cửa ra vào (cao x rộng)	1750 x 1400	1750 x 1460	1750 x 1460	±50
5	Cửa sổ (cao x rộng)	460 x 420	400 x 500	400 x 500	±10
6	Cửa chớp lấy ánh sáng trên mái (dài x rộng)	440 x 350	280 x 250	280 x 250	±10

2.1.1.2. Quy cách khung và phụ kiện

Quy cách khung và phụ kiện của các loại nhà bạt quy định tại Bảng 2.

Bảng 2: Quy cách khung và phụ kiện của nhà bạt

STT	Quy cách kết cấu	Loại nhà bạt					
		60 m ²		24,75 m ²		16,5 m ²	
		Kích thước (mm)	Số lượng (chiếc)	Kích thước (mm)	Số lượng (chiếc)	Kích thước (mm)	Số lượng (chiếc)
1	Cột chống chính (Thép ống)	3690 (φ 76; δ 1,5)	02				
2	Xà nóc (Thép ống)	3510 (φ 76; δ 1,5)	01				
3	Thanh kèo (Thép ống)			2182 (φ35; δ 1,25)	08	2182 (φ35; δ1,25)	06
4	Thanh giằng (Thép ống)			1690 (φ28; δ1,25)	09	1690 (φ28; δ1,25)	06
5	Cột khung (Thép ống)	1880 (φ 42; δ 1,25)	22	1760 (φ 35; δ1,25)	08	1760 (φ 35; δ1,25)	06
6	Cột cửa (Thép ống)	1880 (φ 42; δ 1,25)	04	1799 (φ 35; δ1,25)	02	1799 (φ 35; δ1,25)	02
7	Xà ngang cửa (Thép ống)			1460 (φ 28; δ1,25)	01	1460 (φ 28; δ1,25)	01
8	Cọc thép căng dây néo (thép hình)	600 (L 50x50x5)	26	φ 30x334	11	φ 30x284	09
9	Dây néo (Polyeste hoặc Polypropylen)	3000 (φ 14)	26	3000 (φ 8÷ φ10)	11	3000 (φ 8÷ φ10)	09
10	Néo căng dây (Gỗ nhóm 3)	200x38 x26	26	120x24x20	11	120x24x20	09

Ghi chú: Các cột chống chính, xà nóc, thanh giằng... làm bằng thép có lớp sơn chống gỉ.

2.1.2. Yêu cầu vải may nhà bạt

2.1.2.1. Yêu cầu ngoại quan

Lớp PVC màu xanh cỏ úa phải phủ kín toàn bộ bề mặt cần phủ của vải. Vải phải mềm mại, màu sắc đồng nhất. Mặt vải không được phép có các khuyết tật như phồng rộp, vết sọc, xước, nứt rạn, thủng lỗ hoặc tạp chất lạ. Màu sắc, độ bóng, mờ của bề mặt sản phẩm phù hợp với mẫu sản phẩm chuẩn đã được thỏa thuận giữa bên mua và bán. Bề mặt vải không bị nứt rạn, phồng rộp sau khi lão hóa ở nhiệt độ 70 °C trong thời gian 72 h.

2.1.2.2. Yêu cầu hóa lý

Vải nền bằng chất liệu sợi bông hoặc sợi bông pha được tráng phủ hoặc phun keo PVC màu xanh cỏ úa. Vải không có dư lượng hóa chất độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Hàm lượng Pentaclorophenol (PCP) không lớn hơn 0,5 mg/kg vải; hàm lượng Formaldehyt không lớn hơn 300 mg/kg vải.

2.1.2.3. Yêu cầu cơ lý

Vải may nhà bạt có khả năng chống thấm nước tốt. Các chỉ tiêu cơ lý của vải may nhà bạt phù hợp với quy định tại Bảng 3.

Bảng 3: Chỉ tiêu cơ lý của vải may nhà bạt

STT	Tên chỉ tiêu	Mức giới hạn, yêu cầu
1	Kiểm tra chất liệu vải	Sợi bông hoặc bông pha
2	Mật độ sợi, sợi / 10cm, không nhỏ hơn - Dọc - Ngang	220 120
3	Khối lượng, g/m ²	450 ± 10
4	Độ dày, mm	0,45 ± 0,05
5	Độ bền kéo đứt, N/mm ² , không nhỏ hơn - Dọc - Ngang	95 47
6	Độ giãn dài khi kéo đứt, % - Dọc - Ngang	10 ÷ 25 20 ÷ 35
7	Độ bền uốn gấp: dọc, ngang, bề mặt tráng phủ PVC không xuất hiện dạng phá hủy đầu tiên như vết rạn nứt, bong rộp..., số lần gấp, không nhỏ hơn	10 000
8	Độ bền kết dính	không tách được
9	Độ bền xé rách khi chọc thủng bằng dây thép, N/mm, không nhỏ hơn - Dọc - Ngang	250 250
10	Độ kháng thấm nước dưới áp suất 700 mm H ₂ O, min, không nhỏ hơn	60
11	Độ bền kéo đứt sau lão hóa nhiệt ở 70 °C trong 72 h, N/mm ² , không nhỏ hơn - Dọc - Ngang	85 42
12	Độ bền kết dính sau lão hóa nhiệt ở 70 °C trong 72 h	không tách được
13	Độ kháng thấm nước sau lão hóa nhiệt ở 70°C trong 72 h (dưới áp suất 700 mm H ₂ O), min, không nhỏ hơn	60

2.1.3. Kỹ thuật may liên kết vỏ nhà bạt

Máy giáp đê 3 đường nếp gấp từ 15 mm đến 18 mm, mép vải gấp vào trong, máy bằng chỉ Polyeste, mật độ đường chỉ may 3 mũi/cm và chống thấm nước cho các đường may bằng keo PVC. Tất cả các đường mũi bắt đầu và kết thúc đường may phải được may lại mũi 3 lần chồng khít nhau trên chiều dài từ 20 mm đến 30 mm.

2.1.4. Khối lượng nhà bạt

Khối lượng các loại nhà bạt quy định tại Bảng 4.

Bảng 4: Khối lượng các loại nhà bạt

STT	Khối lượng	Loại hình nhà bạt		
		16,5 m ²	24,75 m ²	60 m ²
1	Khối lượng vỏ bạt, kg	34 ± 2	43 ± 2	86 ± 2
2	Khối lượng khung và phụ kiện, kg	64 ± 2	84 ± 2	155 ± 2
3	Tổng khối lượng, kg	98 ± 4	127 ± 4	241 ± 4

2.1.5. Các yêu cầu khác

- Khuy cài: Khuy nhựa Polyetylen, các lỗ khuyết bọc nhôm hoặc đồng.
- Điểm chống cột được gia cố bằng cách may thêm một tấm phủ bằng đúng loại vải may nhà bạt, bảo đảm tránh không cho nước chảy theo dọc cột xuống.

2.2. Yêu cầu về nhà kho

- Nhà bạt cần được cất trữ ở những nơi thông thoáng, có mái che mưa nắng; đảm bảo khô ráo, sạch sẽ; tránh các tác động trực tiếp của tia cực tím và ánh nắng mặt trời.
- Nhà kho phải có trần chống nóng, có trang bị quạt hút tự nhiên trên mái kho, quạt thông gió trong kho sử dụng được khi cần thiết.
- Nhà kho phải có hệ thống chống chuột, phòng trừ mối mọt; cách xa các nguồn dễ cháy nổ phải có phương tiện cứu hỏa, chống lụt bão theo quy định.
- Nền kho phẳng, cứng, chịu được tải trọng tối thiểu 3,0 tấn/m².

3. PHƯƠNG PHÁP THỬ

3.1. Lấy mẫu

Mẫu để xác định các chỉ tiêu cơ lý vải bạt quy định trong Quy chuẩn này được lấy theo TCVN 1749: 86 *Vải dệt thoi – Phương pháp lấy mẫu*.

3.2. Phương pháp thử

- Các chỉ tiêu cơ lý của vải may nhà bạt quy định tại điểm 2.1.2.3 của Quy chuẩn này được xác định theo các phương pháp sau:

QCVN 09: 2010/BTC

+ Độ bền kéo đứt, độ giãn dài khi kéo đứt (dọc, ngang) theo TCVN 4635: 88 *Vật liệu giả da - Phương pháp xác định độ bền kéo đứt.*

+ Khối lượng của vải bạt theo TCVN 4636: 88 *Vật liệu giả da - Phương pháp xác định khối lượng 1m² và độ dày.*

+ Độ bền uốn gấp theo TCVN 4637: 88 *Vật liệu giả da - Phương pháp xác định độ bền uốn gấp.*

+ Độ bền kết dính theo TCVN 4638: 88 *Vật liệu giả da - Phương pháp xác định độ bền kết dính.*

+ Độ bền xé rách khi chọc thủng bằng dây thép theo TCVN 4639: 88 *Vật liệu giả da - Phương pháp xác định độ bền xé rách khi chọc thủng bằng dây thép.*

+ Độ kháng thấm nước theo ISO 811: 1981 *Textile fabrics - Determination of resistance to water penetration - Hydrostatic pressure test (Vải dệt - Xác định chống thấm nước - Thử áp lực thủy tĩnh)* dùng áp lực định trước theo yêu cầu và xác định thời gian bao lâu thì ngấm hoặc theo ISO 1420: 2001 *Rubber or plastics-coated fabrics - Determination of resistance to penetration by water (Cao su hoặc vải tráng phủ nhựa - Phương pháp xác định độ kháng thấm nước).*

+ Kiểm tra vật liệu vải may nhà bạt:

. Vải nền từ sợi bông pha: Áp dụng TCVN 5465-11: 2009 (ISO 1833-11: 2006) *Vật liệu dệt - Phân tích định lượng hóa học - Phần 11: Hỗn hợp xơ xenlulo và xơ polyeste (phương pháp sử dụng axit sunphuric).*

. Vải nền từ sợi bông: Theo 2 tiêu chuẩn nước ngoài: AATCC 20: 2007 *American Association of Textile Chemists and Colorists (Phân tích xơ: Định tính)* và ASTM D 276: 2000 *Standard test methods for identification of fibers in textiles (Phương pháp thử tiêu chuẩn để nhận biết xơ vật liệu dệt).*

- Kiểm tra hàm lượng Pentaclorophenol (PCP) theo EPA 604; hàm lượng Formaldehyt theo TCVN 7421-1: 2004 *Vật liệu dệt - Xác định Formaldehyt- Phần 1 Formaldehyt tự do và thủy phân (phương pháp chiết trong H₂O).*

Kiểm tra, thử các chỉ tiêu cơ lý của vải may nhà bạt, dư lượng các chất độc hại cho sức khoẻ con người trên vải tráng phủ do một trong các Phòng thí nghiệm phù hợp được công nhận (VILAS), có đủ năng lực, thiết bị thực hiện và cấp Phiếu kết quả.

4. THỦ TỤC GIAO NHẬN VÀ BẢO QUẢN NHÀ BẠT

4.1. Vận chuyển

Nhà bạt được vận chuyển trên các phương tiện có mui che mưa nắng. Trong khi vận chuyển phải chằng buộc cẩn thận, không được vận chuyển chung với các loại hoá chất và các chất dễ gây cháy nổ, bản gây ảnh hưởng đến chất lượng nhà bạt.

Trước khi xếp hàng lên xe hoặc đưa hàng xuống kê xếp vào kho phải chuẩn bị đầy đủ phương tiện, dụng cụ hướng dẫn cho người lao động, bảo đảm an toàn lao động, an toàn hàng hoá.

4.2. Quy trình kiểm tra giao nhận nhập kho

4.2.1. Quy định chung

Nhà bata có Phiếu kiểm tra thử nghiệm đầy đủ các chỉ tiêu cơ lý như quy định tại Bảng 3, phiếu kiểm tra dư lượng các chất độc hại cho sức khỏe con người trên vải tráng phủ đảm bảo theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này. Phiếu kết quả kiểm tra thử nghiệm do một trong các Phòng thử nghiệm được công nhận (VILAS), có đủ năng lực, thiết bị thực hiện cấp (Phòng thử nghiệm được cơ quan có thẩm quyền Nhà nước Việt Nam cấp Chứng chỉ công nhận Phòng thử nghiệm VILAS. Trong trường hợp có chỉ tiêu cần kiểm tra mà không có Phòng thử nghiệm được công nhận Phòng thử nghiệm VILAS đáp ứng thì do một trong các Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng kiểm tra).

4.2.2. Kiểm tra hồ sơ

Mỗi lô nhà bata nhập kho dự trữ nhà nước phải có đủ các tài liệu liên quan xác định về chất lượng nhà bata. Các hồ sơ này phải là bản chính hợp pháp và bảo đảm tính thống nhất.

4.2.2.1. Đối với nhà bata sản xuất trong nước

- Phiếu kiểm tra thử nghiệm chất lượng theo quy định tại điểm 4.2.1.
- Phiếu kiểm tra chất lượng của nhà sản xuất;
- Phiếu bảo hành chất lượng của nhà sản xuất, bao gồm: Các thông tin về thời hạn bảo hành, phạm vi bảo hành;
- Mỗi nhà bata kèm theo một bản kê chi tiết các phụ kiện kèm theo và hướng dẫn cách lắp đặt, sử dụng (để trong bao bì đựng vỏ nhà bata).

4.2.2.2. Đối với nhà bata nhập khẩu

- Phiếu kiểm tra thử nghiệm chất lượng theo quy định tại điểm 4.2.1.
- Giấy xác nhận xuất xứ hàng hóa, xác định rõ nguồn gốc lô nhà bata do phòng Thương mại và Công nghiệp nước sản xuất hoặc lắp ráp loại nhà bata đó cung cấp;
- Phiếu kiểm tra chất lượng, biên bản thử điển hình lô nhà bata và biên bản thử xuất xưởng từng loại nhà bata của nhà chế tạo hoặc lắp ráp. Số lượng nhà bata được tiến hành thử xuất xưởng do thỏa thuận giữa bên mua và nhà cung cấp;
- Bản kê chi tiết các phụ kiện kèm theo từng nhà bata của nhà sản xuất;
- Phiếu bảo hành nhà bata bao gồm: Các thông tin về quyền lợi, phạm vi và địa chỉ của đơn vị được ủy quyền cung cấp dịch vụ bảo hành có ở trong nước;
- Tài liệu kỹ thuật về cấu tạo, tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành và bảo dưỡng kèm theo từng nhà bata. Ngoài tài liệu của nhà sản xuất, đơn vị bán hàng có trách nhiệm cung cấp thêm một bản dịch tiếng Việt.

4.2.3. Kiểm tra nhà bata khi giao nhận

4.2.3.1. Kiểm tra số lượng

Số lượng nhà bata trong mỗi lô hàng phải phù hợp với số lượng nhà bata ghi trong biên bản kiểm tra. Tổng số nhà bata giao nhận đúng với số lượng trong hợp đồng đã ký.

4.2.3.2. Kiểm tra ngoại quan

Số nhà bata được kiểm ngoại quan trong quá trình giao nhận tối thiểu là 5 %. Nội dung kiểm tra gồm:

4.2.3.2.1. Kiểm tra nhãn nhà bạt

Nhãn nhà bạt phải được ghi một cách rõ ràng, bền chắc trên bao bì.

4.2.3.2.1.1. Nhãn của nhà bạt sản xuất trong nước tối thiểu phải bao gồm

- Tên sản phẩm;
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất;
- Loại nhà bạt... m²;
- Ngày, tháng, năm sản xuất (hoặc seri).

4.2.3.2.1.2. Nhãn của nhà bạt nhập khẩu tối thiểu phải bao gồm

- Tên sản phẩm và xuất xứ hàng hóa;
- Tên, địa chỉ của nhà nhập khẩu và phân phối;
- Loại nhà bạt... m²;
- Ngày, tháng, năm sản xuất (hoặc seri).

4.2.3.2.2. Kiểm tra vỏ nhà bạt

- Vải may vỏ nhà bạt không có khuyết tật, kỹ thuật may theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này;

- Khi kiểm tra phần vỏ nhà bạt, nếu phát hiện có ít nhất một vỏ nhà bạt sai quy định, nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp có trách nhiệm thay thế vỏ nhà bạt khác đảm bảo chất lượng. Đồng thời, tiến hành kiểm tra thêm 5 % số vỏ nhà bạt tiếp theo. Nếu sau hai lần liên tiếp kiểm tra thêm đều có ít nhất một vỏ nhà bạt sai quy định, đơn vị nhập hàng lập biên bản hủy kết quả kiểm tra, yêu cầu nhà sản xuất kiểm tra lại 100 % số lượng vỏ nhà bạt đến khi xác định chất lượng đạt yêu cầu sẽ báo đơn vị nhập hàng để nghiệm thu lại.

4.2.3.2.3. Kiểm tra tính đồng bộ của mỗi nhà bạt: Kiểm tra tính đầy đủ của các vì kèo, thanh nóc, cột chống, các cuộn dây... của mỗi bộ nhà bạt.

Các vì kèo, thanh nóc, cột chống yêu cầu không bị cong vênh, bong sơn.

Các phụ kiện: Cọc gim thẳng, đầu nhọn. Búa phải được chèn cán chắc chắn, cán búa thẳng, nhãn. Các cuộn dây chằng đảm bảo độ dài, không bị rối.

4.2.3.2.4. Kiểm tra bao gói

- Đóng gói:

+ Vỏ nhà bạt được gấp gọn, mặt cốt vải ra phía ngoài, mặt phun keo PVC gấp phía trong, có dây dù buộc theo hình chữ thập. Vỏ nhà bạt được đựng trong bao bì làm bằng vải bạt loại dày và có độ bền tốt, có dạng hình hộp chữ nhật, bên ngoài có quai khiêng ở hai đầu, có dây đai khóa rút.

+ Các cấu kiện được bó lại từng bó bằng dây thép mạ có lót chống bong sơn. Dây nẹp được bó gọn và đóng gói trong túi bao nhựa PolyPropylen.

Kiểm tra ngoại quan của nhà bạt phải đáp ứng các nội dung trên.

4.2.3.3. Kiểm tra lắp dựng

Lấy tối thiểu 2 % số nhà bạt để lắp thử (trường hợp lô nhà bạt nhỏ hơn 50 nhà bạt thì lấy 1 nhà bạt, trường hợp lô nhà bạt lớn hơn 300 nhà bạt thì lấy 6 nhà bạt): Kiểm tra độ căng phẳng, các kích thước cơ bản theo thiết kế.

4.2.3.4. Kiểm tra vải may nhà bạt

Trong số nhà bạt lấy để kiểm tra ngoại quan lấy ngẫu nhiên 10 % (tối thiểu là 1 mẫu) để xác định các chỉ tiêu cơ lý như quy định tại Bảng 3, kiểm tra dư lượng các chất độc hại cho sức khỏe con người trên vải tráng phủ theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này.

4.3. Bảo quản

4.3.1. Sắp đặt, kê xếp nhà bạt trong kho

4.3.1.1. Yêu cầu sắp đặt

Giá để kiện vỏ nhà bạt được sắp đặt theo mặt bằng của nhà kho, song phải đảm bảo nguyên tắc cách tường, cách cột tối thiểu 0,5 m. Giữa hai hàng giá cách nhau tối thiểu 1,5 m.

Các kiện vỏ nhà bạt được xếp trên các ngăn giá được lót ván phẳng. Giá kê hàng phải đảm bảo trơn nhẵn, không có cạnh sắc gây xước, rách vải bạt.

4.3.1.2. Yêu cầu kê xếp

4.3.1.2.1. Vỏ nhà bạt

- Kiện vỏ nhà bạt loại 60 m² không xếp cao hơn 2 lớp;
- Kiện vỏ nhà bạt loại 24,75 m² và kiện vỏ nhà bạt loại 16,5 m² không xếp cao hơn 3 lớp.

Khi xếp phải tạo các khe thoáng giữa các kiện vỏ nhà bạt, không để sát các kiện hàng vào khung giá bằng thép.

4.3.1.2.2. Cột nhà bạt và các phụ kiện

Cột và các phụ kiện nhà bạt được xếp thành từng lô, các lô hàng cách tường tối thiểu 0,5 m, giữa các lô cách nhau tối thiểu 1,5 m.

4.3.2. Thẻ lô hàng

Mỗi lô hàng trong kho có đính 1 thẻ ghi nội dung sau:

- Ký hiệu sản phẩm;
- Quy cách;
- Tên cơ sở sản xuất, địa chỉ;
- Ngày sản xuất;
- Số lượng;
- Ngày nhập kho.

4.3.3. Bảo quản định kỳ

Hàng ngày phải kiểm tra về số lượng, chất lượng để kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề: Kho dột, chuột, mối mọt gây ra.

Thường xuyên kiểm tra các bộ khung nhà, phụ kiện. Nếu các chi tiết bị han rỉ thì làm sạch các phần bị han rỉ rồi sơn lại như cũ.

Hai tuần một lần làm vệ sinh sạch bụi bẩn, mạng nhện xung quanh khu vực giá kê hàng và toàn bộ trong nhà kho.

Ba tháng một lần đảo các kiện vỏ nhà bạt trên xuống dưới, mặt dưới lên trên. Đảo hàng giá trên xuống, dưới lên. Khi đảo hàng phải kiểm tra, vệ sinh mặt ngoài từng kiện vỏ nhà bạt.

Sáu tháng một lần đem toàn bộ dây néo ra hong tại nơi thoáng mát bên ngoài kho. Giờ toàn bộ các kiện vỏ nhà bạt ra phơi nắng khoảng hai giờ (phơi mặt vải nền ra nắng) dùng giẻ

QCVN 09: 2010/BTC

mềm hoặc máy hút bụi làm khô, sạch bụi toàn bộ cả hai mặt vải. Sau khi hoàn tất, vỏ nhà bạt được gấp để đường gấp không trùng với các đường gấp cũ, mặt vải nên quay ra ngoài. Khi xếp đảo vị trí các kiện dưới lên, trên xuống.

Hai năm một lần tháo toàn bộ các cấu kiện, vì kèo ra khỏi các bó, lau chùi sạch bụi bẩn, tẩy sạch rỉ các chỗ cục bộ, sơn lại như cũ. Các bulông, ốc vít ở vị trí khớp quay, nối được tháo ra lau sạch bụi bẩn, tra dầu mỡ và vặn chặt lại như ban đầu.

4.4. Xuất hàng

4.4.1. Khi có lệnh xuất hàng, thủ kho phải chuẩn bị đủ sổ sách, giấy tờ có liên quan và nhân lực bốc xếp.

4.4.2. Kiểm tra số lượng và kiểm tra ngoại quan hàng dự kiến xuất.

4.4.3. Xuất hàng theo nguyên tắc: Hàng nhập trước xuất trước, hàng nhập sau xuất sau.

4.4.4. Xuất đúng số lượng, đúng chủng loại.

4.4.5. Khi xuất hàng xong phải hoàn chỉnh các thủ tục, chứng từ giao nhận theo đúng quy định.

4.5. Chế độ ghi chép sổ sách theo dõi hàng hóa

4.5.1. Lập thẻ kho

Mỗi loại nhà bạt được lập một thẻ kho ghi rõ đầy đủ các nội dung: Tên hàng hóa, kiểu loại, nơi sản xuất (đơn vị chế tạo), số lượng, chất lượng, ngày tháng nhập kho và đủ chữ ký, con dấu đáp ứng thủ tục hành chính và chế độ kế toán quy định hiện hành.

Thẻ kho được để trong hộp tài liệu, trong kho hàng. Nếu có nhiều kiểu loại sản phẩm thì cần lập thêm thẻ kho phụ treo tại lô hàng với nội dung như thẻ kho chính, chỉ khác về số lượng hàng hóa.

4.5.2. Sổ bảo quản

Dùng ghi chép hàng ngày hoặc đột xuất về tình hình công tác bảo quản hàng hóa, diễn biến về số lượng, chất lượng. Sổ phải đóng dấu giáp lai, ghi đủ các nội dung theo mẫu, có đủ các thành phần ký tên và đóng dấu đơn vị.

5. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

5.1. Nhà bạt sản xuất trong nước

Nhà bạt sản xuất trong nước phải được chứng nhận phù hợp với quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này theo phương thức thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất. Nhà bạt sản xuất trong nước phải được gắn dấu hợp quy.

5.2. Nhà bạt nhập khẩu

5.2.1. Nhà bạt nhập khẩu phải được kiểm tra Nhà nước về chất lượng theo các chỉ tiêu quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này.

5.2.2. Việc kiểm tra nhà bạt nhập khẩu được thực hiện theo một trong hai phương thức sau:

do cơ quan kiểm tra phát hành.

- Sử dụng kết quả giám định hoặc chứng nhận lô hàng của tổ chức chứng nhận nước ngoài được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thừa nhận; được in hoặc dán tem đạt chất lượng nhập khẩu do cơ quan kiểm tra phát hành.

5.3. Thời gian từ khi sản xuất nhà bọt đến khi nhập kho dự trữ nhà nước

Không lớn hơn 9 tháng (kể cả thời gian vận chuyển).

5.4. Thời gian lưu kho

Trong điều kiện nhiệt độ và độ ẩm bình thường (nhiệt độ $T_{max} \leq 35$ °C, độ ẩm $R_{max} \leq 85$ %) thời gian bảo quản nhà bọt nhập kho dự trữ nhà nước không lớn hơn 4 năm.

6. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

6.1. Tổ chức, cá nhân sản xuất nhà bọt nhập kho dự trữ nhà nước phải công bố nhà bọt phù hợp với quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này và đảm bảo chất lượng theo đúng nội dung công bố.

6.2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu nhà bọt nhập kho dự trữ nhà nước phải chịu sự kiểm tra Nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này.

6.3. Các nhà sản xuất và nhập khẩu phải chịu trách nhiệm theo các quy định sau:

- Nhà bọt nhập kho dự trữ nhà nước yêu cầu bảo hành 24 tháng cho toàn bộ sản phẩm tính từ thời điểm giao nhận.

- Trong 24 tháng đầu bảo quản trong điều kiện tuân thủ các quy định về vận chuyển, các chỉ dẫn khác có liên quan của nhà sản xuất và được bảo quản theo điều kiện quy định. Trước thời gian hết hạn bảo hành lấy ngẫu nhiên 1 % vỏ nhà bọt nhưng không ít hơn một chiếc trong lô hàng để thử các chỉ tiêu cơ lý theo quy định ở Bảng 3; nếu các chỉ tiêu cơ lý lớn hơn hoặc bằng 85 % so với ban đầu là đạt yêu cầu, nếu không đạt yêu cầu thì nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp có trách nhiệm thay thế vỏ nhà bọt mới đảm bảo chất lượng.

6.4. Cục Dự trữ Nhà nước khu vực có trách nhiệm chỉ đạo Chi cục Dự trữ Nhà nước trực thuộc giao nhận và bảo quản nhà bọt theo đúng quy định tại mục 4 của Quy chuẩn này.

7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

7.1. Tổng cục Dự trữ Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này.

7.2. Trong trường hợp các tiêu chuẩn, hướng dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.